

MORAL EDUCATION ACTIVITIES FOR LOWER SECONDARY SCHOOL STUDENTS: A CASE STUDY IN CHANTHABOULY DISTRICT, VIENTIANE CAPITAL, LAO PEOPLE'S DEMOCRATIC REPUBLIC

Singkhamvongsa Venchay¹, Du Thong Nhat^{*2}

* Corresponding author
Email: nhatdt@hcmue.edu.vn

¹ Email: nounskvs@gmail.com

^{1,2} Ho Chi Minh City University of Education
280 An Duong Vuong street, Cho Quan ward,
Ho Chi Minh City, Vietnam

Received: 02/7/2025

Revised: 28/8/2025

Accepted: 18/9/2025

Published: 20/10/2025

Abstract: In the context of Laos' ongoing comprehensive educational reform, enhancing the quality of moral education for lower secondary school students has emerged as an urgent priority. This study aims to assess the current situation and propose measures to enhance the effectiveness of organizing and implementing moral education activities in public lower secondary schools in Chanthabuly District, Vientiane Capital. The research primarily employed a quantitative approach, surveying 301 school administrators, teachers, and students. The findings indicate that the educational staff demonstrated a relatively comprehensive and consistent understanding of the roles, objectives, content, forms, methods, and assessment of moral education. Nevertheless, certain limitations persist in integrating moral content into academic subjects, collaborating with families, and applying pedagogical methods such as dialogical teaching. It is necessary to enhance teachers' pedagogical competence, improve coordination among stakeholders in education, and refine the system for assessing students' moral development. These findings provide a practical foundation for improving moral education in the local context.

Keywords: Educational activities, moral education, lower secondary education, educational management, Lao PDR.

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CHO HỌC SINH CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ: NGHIÊN CỨU TẠI HUYỆN CHĂN THA BƯ LY, THỦ ĐÔ VIÊNG CHĂN, NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO

Singkhamvongsa Venchay¹, Du Thong Nhat^{*2}

* Tác giả liên hệ
Email: nhatdt@hcmue.edu.vn

¹ Email: nounskvs@gmail.com

^{1,2} Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
280 An Dương Vương, phường Chợ Quán,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Nhận bài: 02/7/2025

Chỉnh sửa xong: 28/8/2025

Chấp nhận đăng: 18/9/2025

Xuất bản: 20/10/2025

Tóm tắt: Trong bối cảnh giáo dục Lào đang đẩy mạnh đổi mới toàn diện, việc nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức cho học sinh trung học cơ sở trở thành yêu cầu cấp thiết. Nghiên cứu này nhằm đánh giá thực trạng và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả tổ chức và triển khai hoạt động giáo dục đạo đức tại các trường trung học cơ sở công lập trên địa bàn huyện Chăn Tha Bư Ly, Thủ đô Viêng Chăn. Phương pháp nghiên cứu chủ yếu là định lượng thông qua khảo sát 301 cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh nhà trường. Kết quả cho thấy, đội ngũ giáo dục có nhận thức khá đầy đủ và thống nhất về vai trò, mục tiêu, nội dung, hình thức, phương pháp và đánh giá trong giáo dục đạo đức. Tuy nhiên, vẫn tồn tại hạn chế trong việc tích hợp nội dung vào môn học, phối hợp giáo dục với gia đình và sử dụng các phương pháp như đàm thoại. Cần tăng cường bồi dưỡng năng lực giáo dục cho giáo viên, phối hợp các lực lượng giáo dục và hoàn thiện hệ thống đánh giá đạo đức học sinh. Nghiên cứu góp phần cung cấp cơ sở thực tiễn cho việc nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức tại địa phương.

Từ khóa: Hoạt động giáo dục, giáo dục đạo đức, trung học cơ sở, quản lý giáo dục, Lào.

1. Đặt vấn đề

Giáo dục đạo đức giữ vai trò nền tảng trong việc hình thành nhân cách con người và là yếu tố cốt lõi đảm bảo sự phát triển bền vững của xã hội. Ở nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, Đảng

Nhân dân Cách mạng Lào đã xác định rõ nhiệm vụ chiến lược trong việc xây dựng “con người mới xã hội chủ nghĩa” - những công dân có đạo đức, có tinh thần trách nhiệm và ý thức cống hiến cho đất nước (Sengsay Phiengchay, 2017). Trong tiến trình đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục quốc dân, giáo dục đạo đức, đặc biệt đối với học sinh trung học cơ sở được xác định là một trong những ưu tiên trọng tâm trong chiến lược phát triển giáo dục (MOES, 2020).

Để nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức, MOES đã ban hành nhiều chính sách nhằm xây dựng môi trường giáo dục thân thiện, an toàn, giàu tính nhân văn, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh phát triển phẩm chất đạo đức và kỹ năng sống (MOES, 2020, 2024). Đồng thời, giáo trình và tài liệu học tập cũng được biên soạn theo hướng tích hợp các giá trị đạo đức, kỹ năng sống và trách nhiệm công dân (Bounyeng Xaiyavong, 2010a,b).

Tuy nhiên, thực tiễn triển khai giáo dục đạo đức tại các trường trung học cơ sở ở nhiều địa phương tại Lào vẫn gặp không ít khó khăn. Các vấn đề về nội dung chưa cập nhật, phương pháp còn nặng về truyền thụ, hình thức tổ chức thiếu sinh động, sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội chưa thực sự hiệu quả. Tình trạng thiếu nhất quán và đồng bộ trong công tác quản lý cũng là một nguyên nhân gây hạn chế hiệu quả giáo dục (Phanthavong Amphone, 2022; Sengsay Phiengchay, 2017).

Kinh nghiệm từ Việt Nam cho thấy, ảnh hưởng của mặt trái kinh tế thị trường và mạng xã hội đang khiến một bộ phận học sinh có biểu hiện lệch chuẩn đạo đức, gia tăng hành vi thiếu chuẩn mực trong môi trường học đường (Lượng Minh Trí và Lê Thị Bích Tuyên, 2025; Trần Cao Hương, 2024). Các nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, việc triển khai giáo dục đạo đức vẫn còn tồn tại nhiều bất cập liên quan đến phương pháp giảng dạy, sự phối hợp giữa các lực lượng giáo dục và công tác quản lý (Nguyễn Văn Đệ và Phạm Đình Tân, 2017; Tăng Thị Thương, 2024; Đinh Văn Thanh và Phan Ngọc Thạch, 2024a,b). Những bài học này là kinh nghiệm tham khảo hữu ích cho Lào trong bối cảnh đổi mới hiện nay.

Tại Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, tuy đã có một số nghiên cứu bước đầu tại huyện Vapi, tỉnh Salavan (Sengsay Phiengchay, 2017) và quận Xaysettha, Thủ đô Viêng Chăn (Phanthavong Amphone, 2022) nhưng đến nay vẫn thiếu các khảo sát toàn diện về giáo dục đạo đức tại huyện Chăn Tha Bu Ly - đơn vị hành chính, có mật độ dân cư cao và đặc điểm văn hóa - xã hội đa dạng. Khoảng

trống nghiên cứu này gây khó khăn trong việc hoạch định chính sách giáo dục phù hợp với đặc thù địa phương.

Vì vậy, nghiên cứu này được thực hiện nhằm khảo sát, nhận diện thực trạng và phân tích các thuận lợi, khó khăn trong công tác giáo dục đạo đức tại địa phương. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất các giải pháp thiết thực, có tính ứng dụng cao để góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức trong các nhà trường. Từ mục tiêu trên, nghiên cứu tập trung trả lời các câu hỏi sau: 1) Thực trạng nhận thức và mức độ triển khai hoạt động giáo dục đạo đức tại các trường trung học cơ sở công lập ở huyện Chăn Tha Bu Ly hiện nay như thế nào? 2) Cần đề xuất những biện pháp nào để nâng cao hiệu quả tổ chức và triển khai hoạt động giáo dục đạo đức tại các nhà trường?

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu tài liệu

Trong bài viết, phương pháp này được sử dụng nhằm hệ thống hóa cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn trong và ngoài nước liên quan đến hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh trung học cơ sở. Các tài liệu tham khảo bao gồm: văn bản chính sách của Bộ Giáo dục và Thể thao Lào; chương trình và sách giáo khoa giáo dục đạo đức hiện hành; các công trình nghiên cứu của học giả Lào và Việt Nam về giáo dục đạo đức trong bối cảnh đổi mới giáo dục và tác động của xã hội hiện đại. Trên cơ sở tổng hợp và phân tích tài liệu, tác giả xác lập khung lý thuyết làm nền tảng cho việc khảo sát thực trạng hoạt động giáo dục đạo đức phù hợp với bối cảnh địa phương.

2.2. Phương pháp khảo sát thực tiễn

Để đánh giá thực trạng hoạt động giáo dục đạo đức, tác giả sử dụng phương pháp khảo sát và tiến hành lấy số liệu tại 5/7 trường trung học cơ sở công lập của huyện Chăn Tha Bu Ly, Thủ đô Viêng Chăn, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Hai trường còn lại không được khảo sát do đặc thù là trường Phật giáo có quy mô quá nhỏ và trường có yếu tố nước ngoài, không phản ánh đầy đủ thực tiễn chung.

Khách thể khảo sát: Tổng số khách thể được khảo sát 301 người, bao gồm 39 cán bộ quản lý, 92 giáo viên, và 170 học sinh, phân bố cụ thể tại 5 trường trung học cơ sở trên địa bàn nghiên cứu. Việc lựa chọn đối tượng khảo sát có chú ý đến tính đại diện và đa dạng về vai trò trong công tác giáo dục đạo đức học sinh.

Công cụ thu thập dữ liệu: Là bảng khảo sát tự đánh giá mức độ kết quả thực hiện hoạt động giáo dục

đạo đức học sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh. Phiếu khảo sát được thiết kế dựa trên thang đo Likert 5 mức độ (từ rất không quan trọng đến rất quan trọng và từ kém đến tốt), tham khảo từ các nghiên cứu về thực trạng giáo dục đạo đức của Hà Hoàng Nam (2022), Lượng Minh Trí và Lê Thị Bích Tuyền (2025), Phùng Đình Mẫn và Văn Tám (2020). Bộ công cụ gồm 32 item chia thành 6 nhóm nội dung: vai trò của hoạt động giáo dục đạo đức (7 item), mục tiêu giáo dục đạo đức (5 item), nội dung giáo dục đạo đức (4 item), hình thức giáo dục đạo đức (5 item), phương pháp giáo dục đạo đức (6 item), đánh giá hoạt động giáo dục đạo đức học sinh (5 item).

Quy ước và xử lý dữ liệu khảo sát: Dữ liệu khảo sát được mã hóa và xử lý bằng phần mềm thống kê SPSS. Các chỉ số được sử dụng trong phân tích bao gồm tần số (TS), tỉ lệ phần trăm (%), giá trị trung bình (M) và độ lệch chuẩn (SD), kiểm định độ tin cậy bằng hệ số Cronbach’s Alpha (α), từ mức chấp nhận được trở lên (0.690 - 0.813) (Hoàn Trọng & Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2008). Mức độ đánh giá được quy ước theo thang điểm như sau: 1.00 - 1.80 = kém/rất không quan trọng (RKQT); 1.81 - 2.60 = yếu/không quan trọng (KQT); 2.61 - 3.20 = trung bình/trung lập (TL); 3.21 - 4.20 = khá/quan trọng (QT); 4.21 - 5.00 = tốt/rất quan trọng (RQT).

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Các khái niệm liên quan

Đạo đức: Dưới góc độ triết học, đạo đức là một trong những hình thái ý thức xã hội sớm nhất, bao gồm một hệ thống các nguyên tắc, quy tắc và chuẩn mực xã hội nhằm điều chỉnh hành vi của con người trong các mối quan hệ với nhau và với cộng đồng (Phạm Minh Hạc, 1986). Theo các nhà nghiên cứu giáo dục Lào, đạo đức không chỉ là những phẩm chất tốt đẹp như lòng yêu nước, trung thực, chăm chỉ, kỉ luật mà còn là nền tảng để hình thành nhân cách và định hướng hành động cho mỗi cá nhân trong xã hội

(MOES, 2009).

Giáo dục đạo đức: Là một quá trình sư phạm có mục đích, có kế hoạch, có tổ chức của nhà giáo dục, nhằm chuyển hóa những yêu cầu và chuẩn mực đạo đức của xã hội thành ý thức, tình cảm, niềm tin và thói quen hành vi đạo đức của người được giáo dục (Đinh Văn Thanh và Phan Ngọc Thạch, 2024a,b). Về bản chất, đây là quá trình tác động có định hướng của nhà trường, gia đình và xã hội nhằm giúp học sinh hình thành và phát triển nhân cách toàn diện, đáp ứng yêu cầu của xã hội (Hà Hoàng Nam, 2022).

Hoạt động giáo dục đạo đức: Là tập hợp các hoạt động có mục đích, có kế hoạch được tổ chức dưới nhiều hình thức đa dạng nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục đạo đức cho học sinh. Tại các trường trung học cơ sở ở Lào, hoạt động giáo dục đạo đức được thực hiện chủ yếu thông qua môn Giáo dục Công dân và được lồng ghép vào các môn học, hoạt động trải nghiệm, hoạt động của các tổ chức Đoàn, Đội và thông qua việc thực hiện nội quy, kỉ luật của nhà trường (Sengsay Phiengchay, 2017; Bounyeng Xaiyavong, 2010a, 2010b). Các hoạt động này tạo điều kiện để học sinh không chỉ tiếp thu tri thức đạo đức mà còn được rèn luyện kĩ năng, hình thành thái độ và hành vi đúng đắn.

3.2. Kết quả khảo sát thực trạng

3.2.1. Thực trạng nhận thức về vai trò của hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh trung học cơ sở

Theo Bảng 1, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh tại các trường trung học cơ sở ở huyện Chăn Tha Bu Ly có nhận thức cao và đồng thuận về vai trò của giáo dục đạo đức đối với học sinh ($M = 4.13 \pm 0.48$). Vai trò “Xây dựng ý thức trách nhiệm đối với cộng đồng” được đánh giá cao nhất ($M = 4.15$), phản ánh định hướng phát triển công dân toàn diện trong bối cảnh hội nhập quốc tế (MOES, 2020; Đinh Văn Thanh và Phan Ngọc Thạch, 2024a,b). Các vai

Bảng 1: Kết quả đánh giá vai trò của giáo dục đạo đức cho học sinh

Vai trò	RKQT TS(%)	KQT TS(%)	TL TS(%)	QT TS(%)	RQT TS(%)	M (SD)
1. Hình thành nhân cách toàn diện cho học sinh.	1 (0.3)	2 (2.0)	58 (15.3)	144 (40.5)	96 (42.2)	4.10 (0.75)
2. Rèn luyện ý thức kỉ luật và trách nhiệm cá nhân.	00	1 (0.3)	47 (15.6)	124 (41.2)	129 (42.9)	4.27 (0.73)
3. Phát triển kĩ năng ứng xử đúng mực trong giao tiếp.	00	8 (2.7)	56 (18.6)	141 (46.8)	96 (31.9)	4.08 (0.78)

Vai trò	RKQT TS(%)	KQT TS(%)	TL TS(%)	QT TS(%)	RQT TS(%)	M (SD)
4. Nâng cao tinh thần tự giác trong học tập và rèn luyện.	1 (0.3)	9 (3.0)	52 (17.3)	119 (39.5)	120 (39.9)	4.16 (0.84)
5. Ngăn ngừa hành vi lệch chuẩn trong môi trường học đường.	8 (2.7)	9 (3.0)	46 (15.3)	127 (42.2)	111 (36.9)	4.08 (0.94)
6. Xây dựng ý thức trách nhiệm đối với cộng đồng.	2 (0.7)	4 (1.3)	55 (18.3)	138 (45.8)	102 (33.9)	4.11 (0.79)
7. Trang bị nền tảng đạo đức vững chắc cho sự phát triển bền vững.	1 (0.3)	2 (0.7)	64 (21.3)	122 (40.5)	112 (37.2)	4.14 (0.79)
$\alpha = 0.701$; M(SD)cbql = 4.14(0.52); M(SD)gv = 4.22(0.48); M(SD)hs = 4.08(0.47); Tổng = 4.13(0.48)						

Bảng 2: Mức độ kết quả thực hiện mục tiêu giáo dục đạo đức cho học sinh

Mục tiêu	Kém TS(%)	Yếu TS(%)	Trung bình TS(%)	Khá TS(%)	Tốt TS(%)	M (SD)
1. Hình thành ý thức đạo đức đúng đắn cho học sinh.	00	6 (2.0)	46 (15.3)	122 (40.5)	127 (42.2)	4.23 (0.78)
2. Rèn luyện hành vi đạo đức tích cực trong học tập và cuộc sống.	2 (0.7)	4 (1.3)	35 (11.6)	113 (37.5)	147 (48.8)	4.33 (0.78)
3. Bồi dưỡng tình cảm đạo đức và thái độ sống nhân ái.	1 (0.3)	8 (2.7)	74 (24.6)	130 (43.2)	88 (29.2)	3.98 (0.82)
4. Phát triển tinh thần tự giác và trách nhiệm trong học tập, lao động.	1 (0.3)	3 (1.0)	45 (15.0)	132 (43.9)	120 (39.9)	4.22 (0.76)
5. Xây dựng kĩ năng đạo đức để ứng xử đúng đắn trong cuộc sống.	00	4 (1.3)	53 (17.6)	132 (43.9)	112 (37.2)	4.17 (0.76)
$\alpha = 0.733$; M(SD)cbql = 4.09(0.48); M(SD)gv = 4.17(0.50); M(SD)hs = 4.21(0.58); Tổng = 4.19(0.54)						

trò như phát triển kĩ năng ứng xử, rèn luyện kỉ luật, hình thành nhân cách và bồi dưỡng nền tảng đạo đức cũng được đánh giá tích cực (M từ 4.10 đến 4.14), phù hợp với xu hướng giáo dục công dân toàn cầu (Nguyễn Văn Đệ và Phạm Đình Tân, 2017; Trần Cao Hương, 2024). Tuy vẫn còn một tỉ lệ nhỏ có nhận thức chưa đầy đủ, kết quả chung cho thấy nhận thức đúng đắn về vai trò của giáo dục đạo đức là nền tảng thuận lợi để nâng cao hiệu quả hoạt động này.

3.2.2. *Thực trạng thực hiện mục tiêu giáo dục đạo đức cho học sinh*

Theo Bảng 2, việc thực hiện các mục tiêu giáo dục đạo đức tại địa phương được đánh giá ở mức khá cao (M = 4.19±0.54). Mục tiêu “Phát triển tinh thần tự giác và trách nhiệm” có điểm cao nhất (M = 4.22), cho thấy trọng tâm giáo dục hướng vào hình thành

hành vi tích cực và năng lực ứng xử thực tiễn (MOES, 2020). Các mục tiêu khác như phát triển hành vi đạo đức, thái độ nhân ái và kĩ năng ứng xử đều đạt mức tốt (M từ 4.08 đến 4.17) (Nguyễn Văn Đệ và Phạm Đình Tân, 2017; Tăng Thị Thương, 2024). Tuy nhiên, một số giáo viên đánh giá thấp hiệu quả bồi dưỡng thái độ sống nhân ái, phản ánh ảnh hưởng từ điều kiện văn hóa - xã hội của từng trường (Lượng Minh Trí & Lê Thị Bích Tuyền, 2025).

3.2.3. *Thực trạng thực hiện nội dung giáo dục đạo đức cho học sinh*

Bảng 3 cho thấy nội dung giáo dục đạo đức được triển khai hiệu quả (M = 4.20±0.63). Nội dung “Giáo dục tri thức đạo đức” được thực hiện tốt nhất (M = 4.26), tiếp đến là giáo dục giá trị, lí tưởng và tình cảm đạo đức (M từ 4.11 đến 4.24), cho thấy sự quan tâm

Bảng 3: Mức độ kết quả thực hiện nội dung giáo dục đạo đức cho học sinh

Nội dung	Kém TS(%)	Yếu TS(%)	Trung bình TS(%)	Khá TS(%)	Tốt TS(%)	M (SD)
1. Giáo dục tri thức đạo đức	1 (0.3)	2 (0.7)	49 (16.3)	114 (37.9)	135 (44.9)	4.26 (0.78)
2. Giáo dục tình cảm đạo đức	3 (1.0)	3 (1.0)	58 (19.3)	132 (43.9)	105 (34.9)	4.11 (0.81)
3. Giáo dục lí tưởng đạo đức	2 (0.7)	2 (0.7)	59 (19.6)	135 (44.9)	103 (34.2)	4.11 (0.78)
4. Giáo dục giá trị đạo đức	2 (0.7)	3 (1.0)	33 (11.0)	117 (38.9)	146 (48.5)	4.34 (0.76)

$\alpha = 0.813$; M(SD)cbql = 4.30(0.42); M(SD)gv = 4.18(0.59); M(SD)hs = 4.19(0.69); Tổng = 4.20(0.63)

Bảng 4: Mức độ kết quả thực hiện hình thức giáo dục đạo đức cho học sinh

Hình thức	Kém TS(%)	Yếu TS(%)	Trung bình TS(%)	Khá TS(%)	Tốt TS(%)	M (SD)
1. Lồng ghép vào môn học	4 (1.3)	23 (7.6)	69 (22.9)	121 (40.2)	84 (27.9)	3.86 (0.96)
2. Tổ chức hoạt động trải nghiệm	00	9 (3.0)	49 (16.3)	123 (40.9)	120 (39.9)	4.18 (0.78)
3. Tham gia phong trào Đội, Đoàn	1 (0.3)	4 (1.3)	32 (10.6)	142 (47.2)	122 (40.5)	4.26 (0.73)
4. Thực hiện nội quy, kỉ luật trường học	2 (0.7)	7 (2.3)	41 (13.6)	120 (39.9)	131 (43.5)	4.23 (0.82)
5. Phối hợp với gia đình và cộng đồng	3 (1.0)	6 (2.0)	70 (23.3)	127 (42.2)	95 (31.6)	4.01 (0.85)

$\alpha = 0.690$; M(SD)cbql = 4.43(0.44); M(SD)gv = 4.16(0.54); M(SD)hs = 4.01(0.56); Tổng = 4.11(0.56)

đến phát triển toàn diện nhân cách học sinh (MOES, 2020; Sengsay Phiengchay, 2017). Tuy nhiên, vẫn có tỉ lệ nhỏ đánh giá một số nội dung ở mức trung bình, nhất là ở nội dung tình cảm đạo đức (11.3% trung bình, 1.1% yếu), cho thấy cần tăng cường bồi dưỡng giáo viên về khai thác tình huống đạo đức và xây dựng môi trường giáo dục giá trị lành mạnh (Đinh Văn Thanh & Phan Ngọc Thạch, 2024a,b).

3.2.4. *Thực trạng sử dụng hình thức giáo dục đạo đức cho học sinh*

Theo Bảng 4, việc triển khai các hình thức giáo dục đạo đức được thực hiện khá đồng bộ ($M = 4.11 \pm 0.56$). “Thực hiện nội quy, kỉ luật” ($M = 4.25$) và “Hoạt động trải nghiệm” ($M = 4.18$) là hai hình thức nổi bật, phù hợp với đặc điểm văn hóa giáo dục tại Lào (MOES, 2020; Sengsay Phiengchay, 2017). Tuy

nhien, “Lồng ghép vào môn học” có điểm thấp nhất ($M = 3.86$), với 29.6% đánh giá trung bình hoặc yếu, phản ánh hạn chế trong tích hợp. Hình thức “Phối hợp với gia đình, cộng đồng” cũng chưa hiệu quả như mong đợi ($M = 4.01$), khi có đến 42.2% đánh giá ở mức trung bình, cho thấy cần cải thiện sự phối hợp giữa các lực lượng giáo dục (Trần Cao Hương, 2024; Lượng Minh Trí & Lê Thị Bích Tuyền, 2025).

3.2.5. *Thực trạng sử dụng phương pháp giáo dục đạo đức cho học sinh*

Theo Bảng 5, phương pháp giáo dục đạo đức được áp dụng ở mức khá ($M = 3.94 \pm 0.61$). “Rèn luyện qua thực tiễn” được sử dụng nhiều nhất ($M = 4.16$), cho thấy xu hướng tiếp cận theo năng lực. Các phương pháp giảng giải và nêu gương vẫn đóng vai trò quan trọng ($M = 4.00$ và $M = 3.94$) trong bối cảnh văn hóa

Á Đông (Phạm Minh Hạc, 2014; Sengsay Phiengchay, 2017). Tuy nhiên, các phương pháp như đàm thoại, hoạt động tập thể, khen thưởng - trách phạt có mức sử dụng thấp hơn, đặc biệt đàm thoại chỉ đạt $M = 3.79$ với 42.6% đánh giá trung bình, phản ánh cần tăng cường kỹ năng sư phạm mềm cho giáo viên.

3.2.6. Thực trạng sử dụng phương pháp đánh giá hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh

Theo Bảng 6, việc sử dụng phương pháp đánh giá giáo dục đạo đức cho học sinh đạt mức khá tốt

($M = 4.12 \pm 0.54$). Đánh giá qua hoạt động thực tiễn ($M = 4.25$) và hồ sơ theo dõi rèn luyện ($M = 4.15$) được áp dụng phổ biến, phản ánh tính thực tiễn cao. Các phương pháp như quan sát giáo viên, lấy ý kiến cha mẹ học sinh, bạn học... tuy có tiềm năng nhưng chưa được tận dụng tối đa ($M = 4.01 - 4.15$) do hạn chế về kỹ năng của giáo viên và sự phối hợp giữa các lực lượng giáo dục. Cần nâng cao năng lực thiết kế công cụ đánh giá linh hoạt, kết hợp định tính - định lượng và tăng cường vai trò cộng đồng.

Bảng 5: Mức độ kết quả sử dụng phương pháp giáo dục đạo đức cho học sinh

Phương pháp	Kém TS(%)	Yếu TS(%)	Trung bình TS(%)	Khá TS(%)	Tốt TS(%)	M (SD)
1. Phương pháp nêu gương	04 (1.3)	15 (5.0)	65 (21.6)	127 (42.2)	90 (29.9)	3.94 (0.91)
2. Phương pháp giảng giải – thuyết phục	3 (1.0)	22 (7.3)	73 (24.3)	150 (49.8)	53 (17.6)	3.76 (0.86)
3. Phương pháp rèn luyện qua thực tiễn	2 (0.7)	12 (4.0)	48 (15.9)	112 (37.2)	127 (42.2)	4.16 (0.88)
4. Phương pháp khen thưởng và trách phạt	11 (3.7)	17 (5.6)	89 (26.6)	124 (41.2)	69 (22.9)	3.74 (0.99)
5. Phương pháp đàm thoại	1 (0.3)	8 (2.7)	76 (25.2)	141 (46.8)	75 (24.9)	3.93 (0.80)
6. Phương pháp giáo dục qua hoạt động tập thể	00	7 (2.3)	59 (19.6)	123 (40.9)	112 (37.2)	4.13 (0.80)
$\alpha = 0.790$; $M(SD)_{cbql} = 4.22(0.51)$; $M(SD)_{gv} = 4.01(0.64)$; $M(SD)_{hs} = 3.85(0.60)$; Tổng = 3.94(0.61)						

Bảng 6: Mức độ kết quả sử dụng phương pháp đánh giá hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh

Đánh giá	Kém TS(%)	Yếu TS(%)	Trung bình TS(%)	Khá TS(%)	Tốt TS(%)	M (SD)
1. Phương pháp quan sát của giáo viên.	5 (1.7)	4 (1.3)	69 (22.9)	123 (40.9)	100 (33.2)	4.03 (0.88)
2. Nhận xét của bạn bè, cha mẹ học sinh.	2 (0.7)	7 (2.3)	63 (20.9)	131 (43.5)	98 (36.6)	4.05 (0.83)
3. Sử dụng hồ sơ theo dõi rèn luyện đạo đức.	1 (0.3)	9 (3.0)	58 (19.3)	141 (46.8)	92 (30.6)	4.04 (0.81)
4. Đánh giá qua các hoạt động thực tiễn.	3 (1.0)	2 (0.7)	39 (13.0)	131 (43.5)	126 (41.9)	4.25 (0.78)
5. Khảo sát, lấy ý kiến các lực lượng giáo dục trong nhà trường.	1 (0.3)	3 (1.0)	46 (15.3)	132 (43.9)	119 (39.5)	4.21 (0.76)
$\alpha = 0.693$; $M(SD)_{cbql} = 4.32(0.47)$; $M(SD)_{gv} = 4.16(0.52)$; $M(SD)_{hs} = 4.04(0.56)$; Tổng = 4.12(0.54)						

Dựa trên kết quả nghiên cứu, có thể đề xuất một số biện pháp trọng tâm nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức cho học sinh trung học cơ sở tại huyện Chấn Tha Bu Ly như sau: 1) Bồi dưỡng nhận thức và năng lực sư phạm về giáo dục đạo đức cho giáo viên thông qua các khóa tập huấn chuyên sâu, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, hình thành cộng đồng học tập chuyên môn nhằm nâng cao chất lượng tổ chức dạy học; 2) Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng lấy học sinh làm trung tâm, tăng cường các hoạt động trải nghiệm, thảo luận và phản tư, giúp học sinh phát triển phẩm chất đạo đức một cách chủ động và sâu sắc; 3) Đẩy mạnh việc tích hợp nội dung giáo dục đạo đức vào các môn học và hoạt động trải nghiệm, thông qua việc xây dựng ma trận giá trị - bài học, thiết kế các chủ đề tích hợp liên môn và tổ chức các hoạt động gắn với bối cảnh địa phương; 4) Tăng cường phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội nhằm xây dựng môi trường giáo dục đồng bộ, trong đó học sinh nhận được sự định hướng thống nhất từ ba phía thông qua các hoạt động đối thoại, cam kết giá trị và truyền thông hai chiều; 5) Hoàn thiện hệ thống đánh giá đạo đức theo hướng kết hợp định tính và định lượng, sử dụng các công cụ số hóa, chỉ báo hành vi cụ thể và minh chứng đa chiều để đảm bảo tính khách quan, toàn diện và khuyến khích sự tiến bộ cá nhân của học sinh. Việc triển khai đồng bộ các biện pháp trên sẽ góp phần thiết thực nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức trong các trường trung học cơ sở trên địa bàn huyện.

4. Kết luận

Nghiên cứu đã chỉ ra rằng, đội ngũ cán bộ, giáo

viên và học sinh tại các trường trung học cơ sở ở huyện Chấn Tha Bu Ly, Thủ đô Viêng Chăn có nhận thức tương đối đầy đủ và thống nhất về vai trò, mục tiêu, nội dung, hình thức, phương pháp và đánh giá trong giáo dục đạo đức học sinh. Các hoạt động giáo dục đạo đức đã được triển khai tương đối hiệu quả, đặc biệt trong việc truyền đạt tri thức đạo đức và xây dựng nền nếp kỉ luật học đường. Tuy nhiên, vẫn tồn tại những hạn chế trong việc tích hợp nội dung đạo đức vào môn học chính khóa cũng như ở hình thức phối hợp với gia đình và phương pháp đàm thoại giáo dục đạo đức - những điểm cần được chú trọng cải thiện. Kết quả nghiên cứu là cơ sở quan trọng để đề xuất các biện pháp phù hợp, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện tại địa phương trong thời gian tới.

Nghiên cứu này giới hạn trong phạm vi khảo sát tại các trường trung học cơ sở công lập ở huyện Chấn Tha Bu Ly nên kết quả chưa thể khái quát cho các địa phương khác hoặc khối trường tư thục. Đồng thời, phương pháp tiếp cận chủ yếu là định lượng, chưa khai thác sâu cảm xúc, quan điểm và trải nghiệm thực tế của giáo viên qua các phương pháp định tính. Trong các nghiên cứu tiếp theo, cần mở rộng địa bàn khảo sát, so sánh giữa các loại hình trường học, đồng thời kết hợp phương pháp định tính nhằm hiểu rõ hơn về ảnh hưởng của văn hóa nhà trường, niềm tin nghề nghiệp và phản ứng của học sinh. Ngoài ra, việc triển khai nghiên cứu thực nghiệm về các mô hình giáo dục đạo đức tích hợp cũng là hướng đi cần thiết để nâng cao tính ứng dụng và hiệu quả trong giáo dục đạo đức học sinh.

Tài liệu tham khảo

- Bounyeng Xaiyavong. (2010a). *Giáo dục công dân lớp 6*. NXB Eastern Printing Public Co. Ltd (Thái Lan). ບຸນເຍງ ໄຊຍະວົງ. (2010). *ສຶກສາພື້ນຖານລະບົບ ຊັ້ນ ມັດທະຍົມສຶກສາ ປທ 1*. ໂຮງພິມ Eastern Printing Public Co. Ltd (ປະເທດໄທ).
- Bounyeng Xaiyavong. (2010b). *Giáo dục công dân lớp 7*. NXB Eastern Printing Public Co. Ltd (Thái Lan). ບຸນເຍງ ໄຊຍະວົງ. (2010). *ສຶກສາພື້ນຖານລະບົບ ຊັ້ນ ມັດທະຍົມສຶກສາ ປທ 1*. ໂຮງພິມ Eastern Printing Public Co. Ltd (ປະເທດໄທ).
- Đinh Văn Thanh, Phan Ngọc Thạch. (2024a). Thực trạng và biện pháp quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh trung học cơ sở huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Đồng Tháp*, 13(4), 3–9. <https://doi.org/10.52714/dthu.13.4.2024.1255>.
- Đinh Văn Thanh, Phan Ngọc Thạch. (2024b). Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh trung học cơ sở huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang. *Tạp chí Giáo dục*, 23(đặc biệt 9), 257–262. <https://tcgd.tapchigiaoduc.edu.vn/index.php/tapchi/article/view/1223>.
- Hà Hoàng Nam. (2022). *Quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh các trường trung học cơ sở huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng*. Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Trà Vinh. https://tvugate.tvu.edu.vn/bitstream/TVU_123456789/1884/1/TOMTAT%20LUAN%20VAN%20SBV%20-%20HA%20HOANG%20NAM.pdf.
- Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc. (2008). *Phân tích dữ liệu với SPSS*. NXB Hồng Đức.
- Lượng Minh Trí, Lê Thị Bích Tuyền. (2025). Thực trạng hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh ở các trường trung học cơ sở huyện Chợ Mới,

- tỉnh An Giang trong bối cảnh giáo dục hiện nay. *Tạp chí Giáo dục*, 25(1), 291–295. <https://tcgd.tapchigiaoduc.edu.vn/index.php/tapchi/article/view/3187>.
- MOES. (2009). *Giáo trình môn Giáo dục học*. Viêng Chăn: Nxb Giáo dục Lào. [ກະຊວງສູງສູງສຳນັກງານ ແລະ ກວ່າ (2009). *ສຳນັກສາດ. ໂຮງຮຽນສຳນັກ*. Vientiane: Ministry of Education and Sports.
- MOES. (2020). *Chiến lược phát triển ngành giáo dục và thể thao 5 năm lần thứ IX (2021 - 2025)*.
- [ກະຊວງສູງສູງສຳນັກງານ ແລະ ກວ່າ (2020). *ຜູ້ຮຽນພັດທະນາ ຂະແໜງການສຳນັກ ແລະ ກວ່າ 5 ປີ ຄັ້ງທີ IX (2021 - 2025)*. Vientiane: Ministry of Education and Sports.
- MOES. (2024). *Bản báo cáo tổng kết việc tổ chức thực hiện công tác phát triển Giáo dục và Thể thao năm học 2023 - 2024*. [ກະຊວງສູງສູງສຳນັກງານ ແລະ ກວ່າ (2024). *ສະຫຼຸບລາຍງານການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດວຽກງານການສຳນັກສຳປີ 2023 - 2024*. Vientiane: Ministry of Education and Sports.
- Nguyễn Văn Đệ, Phạm Đình Tân. (2017). Biện pháp quản lý công tác giáo dục đạo đức học sinh ở Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Đồng Tháp*, 28, 3–12.
- Phanthavong Amphone. (2022). Quản lý giáo dục đạo đức cho học sinh ở các trường trung học cơ sở quận Xaysetha, thủ đô Viêng Chăn, Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. *Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*.
- Phạm Minh Hạc. (1986). *Một số vấn đề giáo dục và khoa học giáo dục*. NXB Giáo dục, Hà Nội.
- Phạm Minh Hạc. (2014). *Tâm lý học và nhân cách con người*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Phùng Đình Mẫn, Văn Tám. (2020). Thực trạng và biện pháp quản lý công tác giáo dục đạo đức cho học sinh các trường trung học cơ sở huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định. *Tạp chí Giáo dục*, (478 - Kỳ 2), 55–59. <https://scholar.dlu.edu.vn/thuvienso/bitstream/DLU123456789/135569/1/CVv216S4782020055.pdf>
- Sengsay Phiangchay. (2017). Biện pháp quản lý công tác giáo dục đạo đức cho học sinh trung học cơ sở huyện Vapi, tỉnh Salavan, Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. *Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế*. <https://www.slideshare.net/slideshow/luan-van-quan-li-giao-duc-dao-duc-cho-hoc-sinh-thcs-huyen-vapi/236396193>.
- Tăng Thị Thương. (2024). Thực trạng quản lý giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trung học cơ sở ở thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Đồng Tháp*, 13(Số đặc biệt 04), 96-108.
- Trần Cao Hương. (2024). Quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh ở các trường trung học cơ sở thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. *Journal of Educational Equipment: Education Management*, 2(306), 396-398.